TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày 21-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 34/2025/TLST-HS ngày 07/02/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HS ngày 12/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/6/1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P Văn P và bà Trương Thị T; có vợ Nguyễn Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 07/10/1983 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố K, phường L, quận A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ Hoàng Thị Tg và có 02 con; tiền án: Bản án số 261/2023/HSST ngày 29/12/2023, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (đang chấp hành thời gian 24 tháng thử thách - chưa được xoá án tích); tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Vũ Văn P, sinh ngày 17/11/1975 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận Ag, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Tống Thị N; có vợ Nguyễn Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Vũ Thanh L, sinh ngày 10/5/1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N và bà Vũ Thị H; có vợ Đỗ Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Lê Văn P, sinh ngày 15/8/1972 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị N; có vợ Nguyễn Thị L và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Trịnh Văn T, sinh ngày 06/10/1968 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Q và bà Vũ Thị N; có vợ Lê Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 07/12/2024 Công an xã Hồng Phong, huyện An Dương bắt quả tang tại nhà Lê Văn P ở thôn H, xã H, huyện A (nay là tổ dân phố H, phường H, quận A), thành phố Hải Phòng 04 người gồm P Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Phạm Văn T đang đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền, Lê Văn P và Trịnh Văn T tham gia chia bài cho các đối tượng đánh bạc. Vật chứng thu giữ gồm 02 bộ bài chắn (mỗi bộ có 100 quân bài); 01 đĩa sứ; 01 khay nhựa; 01 chăn nỉ và 6.922.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 07/12/2024, P Ngọc T đến nhà Lê Văn P ngồi chơi thì gặp Phòng và Phạm Văn T, Vũ Văn P, sau đó có Vũ Thanh L đến. Thấy đủ người nên T, T, P, L rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi đánh chắn được thua bằng tiền. Cách thức đánh như sau: ù xuông là 30.000 đồng, dịch 10.000 đồng và tăng dần cho từng cước (nếu một trong bốn người chơi ù thì ba người còn lại phải trả cho người ù là 30.000 đồng; dịch 10.000 đồng tức là nếu người chơi ù có tôm và lèo thì ba người tham gia chơi còn lại phải trả thêm số tiền 10.000 đồng đối với tôm, còn với lèo là 20.000 đồng); ván ù to nhất là 10 chắn thì ba người tham gia còn lại phải trả cho người ù số tiền 300.000 đồng. P Ngọc T dùng 3.855.000 đồng, Phạm Văn T dùng 1.357.000 đồng, Vũ Văn P dùng 1.030.000 đồng, Vũ Thanh L dùng 680.000 đồng để đánh bạc. Cả nhóm chơi được một lúc thì Lê Văn P vào chia bài cho mọi người chơi và mỗi người chơi phải trả cho Phòng 30.000 đồng/1 tiếng. Một lúc sau có Trịnh Văn T đến, Phòng bảo T chia bài hộ, T

đồng ý vào chia bài cho mọi người đánh bạc. Đến 11 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an xã Hồng Phong bắt quả tang cùng vật chứng.

Lời khai của các bị can nêu trên (bút lục 101 đến 116; 125 đến 139; 148 đến 163; 172 đến 186; 195 đến 207; 225 đến 242) phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 86 đến 89), lời khai người làm chứng và vật chứng thu giữ.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 bộ bài chắn, mỗi bộ có 100 quân bài, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 chăn nỉ và số tiền 6.922.000 đồng.

Tại phiên tòa: Các bị cáo trình bày thống nhất về hành vi như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì, đều xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/2025/CT-VKS ngày 06/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương truy tố P Ngọc T, Phạm Văn T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS: Xử phạt Phạm Ngọc T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt Vũ Văn P và Vũ Thanh L mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt Lê Văn P và Trịnh Văn T mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; quy đổi trừ cho các bị cáo thời gian bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt tạo không giam giữ; Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 38; Điều 56, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS xử phạt Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, tổng hợp với 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 261/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng thành hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành; trừ cho bị cáo Phạm Văn T thời gian đã bị tạm giữ (từ 31/03/2023 đến ngày 09/04/2023) về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 261/2023/HSST ngày 29/12/2023; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; tịch thu nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 6.922.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 chăn nỉ; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận An Dương và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Vào hồi 11 giờ ngày 07/12/2024 tại nhà Lê Văn P; P Ngọc T, Phạm Văn T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L đã có hành vi đánh chắn được thua bằng tiền với cách thức ù xuông là 30.000 đồng, dịch 10.000 đồng và tăng dần cho từng cước. Nếu một trong bốn người chơi ù thì ba người còn lại phải trả cho người ù là 30.000 đồng; dịch 10.000 đồng tức là nếu người chơi ù có tôm và lèo thì ba người tham gia chơi còn lại phải trả thêm số tiền 10.000 đồng đối với tôm, còn với lèo là 20.000 đồng; ván ù to nhất là 10 chắn thì ba người tham gia còn lại phải trả cho người ù số tiền 300.000 đồng. Lê Văn P và Trịnh Văn T chia bài, những người chơi sẽ trả 30.000 đồng/1 tiếng. T dùng 3.855.000 đồng, T dùng 1.357.000 đồng, P dùng 1.030.000 đồng, L dùng 680.000 đồng để đánh bạc.. Với hành vi trên, các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc theo Điều 321 của BLHS. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.922.000 đồng nên đã vi phạm khoản 1 Điều 321 của BLHS. Các chứng cứ xác định các bị cáo không có tội được loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo T, P, L, P, T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Phạm Văn T ngày 29/12/2023 Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là Tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo T, P, L, P, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Vụ án có đồng phạm giản đơn, tuy không có sự bàn và phân công vai trò cụ thể nhưng xét số tiền đánh bạc thấy bị cáo T dùng số tiền nhiều nhất, sau đó lần lượt đến các bị cáo T, P, L. Đây là căn cứ để xem xét khi quyết định hình phạt và mức hình phạt. Bị cáo T cần xem xét để quyết định mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại.

[4.2] Các bị cáo T, P, L, P, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên xem xét cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Áp dụng Điều 36 của BLHS xử các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm

giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đều bị tạm giữ 05 ngày (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024) nên đều được trừ 15 ngày vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Do các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập. Trường hợp bị cáo không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời điểm bắt đầu chấp hành án được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

[4.3] Đối với bị cáo T, như phân tích ở trên thì cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tại Bản án số 261/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử bị cáo T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, ấn định thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Như vậy bị cáo đã phạm tội khi đang chấp hành thời gian thử thách của án treo nên cần áp dụng Điều 56 của BLHS để tổng hợp với 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của nhiều bản án. Trong vụ án đã bị xét xử nêu trên, bị cáo T bị tạm giữ từ 31/03/2023 đến ngày 09/04/2023 nên thời gian này được trừ vào thời gian bị cáo chấp hành án.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS.

[6] Vật chứng của vụ án: 02 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 chăn nỉ là đồ vật các bị cáo dùng làm công cụ đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 6.922.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu để nộp sung quỹ Nhà nước.

[7] Về những vấn đề khác: Vụ án không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 36, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T; áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17, các điều 38, 56, 58, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình đối với bị cáo Phạm Văn T;

Tuyên bố các bị cáo, P Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 09 (Chín) tháng tù; tổng hợp với 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 261/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của các bản án là 21(Hai mươi mốt) tháng tù. Bị cáo Phạm Văn T được trừ thời gian tạm giữ (từ 31/03/2023 đến ngày 09/04/2023) trong tội Trộm cắp tài sản (tại Bản án số 261/2023/HSST ngày 29/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng) vào thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 07/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 15 (Mười lăm) ngày được quy đổi từ thời giam bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024); thời gian còn lại là 17 (Mười bảy) tháng 15 (Mười lăm) ngày buộc bị cáo phải chấp hành.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn P 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 15 (Mười lăm) ngày được quy đổi từ thời giam bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024); thời gian còn lại là 14 (Mười bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày buộc bị cáo phải chấp hành.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thanh L 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 15 (Mười lăm) ngày được quy đổi từ thời giam bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024); thời gian còn lại là 11 (Mười một) tháng (Mười lăm) ngày buộc bị cáo phải chấp hành.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 15 (Mười lăm) ngày được quy đổi từ thời giam bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024); thời gian còn lại là 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày buộc bị cáo phải chấp hành.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 15 (Mười lăm) ngày được quy đổi từ thời giam bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 12/12/2024); thời gian còn lại là 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày ngày buộc bị cáo phải chấp hành.

- Thời điểm bắt đầu chấp hành án đối với các bị cáo xử phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án.

- Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T. Giao các bị cáo P Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Hồng Phong, quận An Dương, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân phường Hồng Phong, quận An Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Trường hợp các bị cáo Phạm Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ

cộng đồng. Trong trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo P Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn, 01 đĩa sứ, 01 khay nhựa, 01 chăn nỉ; tịch thu số tiền 6.922.000 đồng để nộp sung quỹ Nhà nước (chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương và Giấy nộp tiền ngày 10/02/2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; các bị cáo Phạm Văn T, P Ngọc T, Vũ Văn P, Vũ Thanh L, Lê Văn P, Trịnh Văn T; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND quận An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA quận An Dương;
- Cơ quan THAHSCA quận An Dương;
- TAND thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS quận An Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Văn Dũng